

CHƯƠNG VII
NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TƯ SẢN

1. NHÀ NƯỚC TƯ SẢN

1.1. Sự ra đời, bản chất và quá trình phát triển của nhà nước tư sản

*** Sự ra đời của nhà nước tư sản**

Vào khoảng thế kỷ XV, XVI, một số nước Phong kiến Tây Âu đã xuất hiện hàng loạt công trường thủ công và nhiều thành thị - là các trung tâm thương mại lớn.

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất là sự ra đời của lực lượng xã hội mới: tư sản và vô sản.

Nhà nước tự sản được hình thành thông qua các cuộc cách mạng.

Cách mạng tự sản được tiến hành dưới các hình thức cụ thể sau:

- Khởi nghĩa vũ trang (*)**
- Cách mạng tự sản (*)**
- Chiến tranh giải phóng dân tộc (*)**

*** Bản chất của nhà nước tư sản**

Bản chất của nhà nước tư sản do chính những điều kiện nội tại của xã hội Tư sản quyết định, đó chính là cơ sở kinh tế, cơ sở xã hội và cơ sở tư tưởng.

Cơ sở kinh tế của nhà nước tư sản là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản về tư liệu sản xuất (chủ yếu dưới dạng nhà máy, hầm mỏ, đồn điền...), được thực hiện thông qua hình thức bóc lột giá trị thặng dư.

Về xã hội, có hai giai cấp cơ bản là giai cấp **tư sản** và giai cấp **vô sản**.

Giai cấp tư sản giữ vị trí thống trị, là giai cấp nắm hầu hết tư liệu sản xuất của xã hội, chiếm đoạt những nguồn tài sản lớn của XH.

Giai cấp vô sản là lực lượng lao động chính trong xã hội. Về phương diện pháp lý họ được tự do, nhưng không có tư liệu sản xuất nên họ chỉ là người bán sức lao động cho giai cấp tư sản, là đội quân làm thuê cho giai cấp tư sản.

Ngoài hai giai cấp chính nêu trên, trong xã hội tư sản còn có nhiều tầng lớp xã hội khác như: nông dân, tiểu tư sản, trí thức...

Về mặt tư tưởng giai cấp tư sản luôn tuyên truyền về tư tưởng dân chủ - đa nguyên, nhưng trên thực tế luôn tìm mọi cách đảm bảo địa vị độc tôn của ý thức hệ tư sản, ngăn cản mọi sự phát triển và tuyên truyền tư tưởng cách mạng, tiến bộ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

* Lịch sử phát triển của nhà nước tư sản

Nhìn chung có thể khái quát quá trình phát triển của Nhà nước tư sản từ khi ra đời cho đến nay thành 3 giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Từ thời kỳ thắng lợi của cách mạng tư sản thế kỷ 16 - 18 đến cuộc chiến tranh Pháp - Phổ và Công xã Paris. (*)

Giai đoạn 2: Từ 1871 đến 1917. Ở giai đoạn này chủ nghĩa tư bản

- Từ 1917 đến 1945 là thời kỳ khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản

Nhà nước độc quyền được thiết lập ở hầu hết các nước tư sản. Nhà nước can thiệp mạnh mẽ vào kinh tế. Bộ máy nhà nước là sự thống nhất giữa quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị, ngày càng trở nên quân phiệt, quan liêu, độc tài quân sự. Một số nhà nước tư sản chuyển thành nhà nước phát

- Từ 1945 đến nay là thời kỳ nhà nước tự sản có những bước phát triển mới.

Sau chiến tranh nhiều nước tự sản đã ra khỏi khủng hoảng, nhà nước can thiệp vào kinh tế ở tầm vĩ mô, đồng thời tập trung vào quản lý hành chính và thực hiện chức năng xã hội.

Chính vì thế, bộ mặt xã hội của nhiều nước tự sản có sự phát triển đáng kể, các thiết chế dân

1.2 Chức năng của nhà nước tư sản

1.2.1 Chức năng đối nội

*** Chức năng củng cố, bảo vệ, duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản**

Chức năng này bao hàm những nội dung sau:

- *Củng cố và bảo vệ chế độ tư hữu tư sản*

Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do, nhà nước tư sản bảo vệ quyền tư hữu của toàn bộ giai cấp tư sản.

- Trấn áp các giai cấp bị trị về mặt chính trị

Trong giai đoạn đầu, để bảo vệ địa vị thống trị của mình, nhà nước tư sản thường sử dụng bộ máy bạo lực đàn áp trực tiếp các phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Trong giai đoạn hiện nay, nhà nước tư sản vẫn duy trì sự đàn áp chính trị nhưng dưới những hình thức, phương pháp ngụy trang tinh vi hơn, như: quy định các hình thức, thể thức ứng cử, bầu cử...

- Trấn áp giai cấp bị trị về mặt tư tưởng

Một mặt nhà nước tư sản luôn tuyên truyền về tinh thần dân chủ đa nguyên, nhưng trên thực tế trong tất cả các giai đoạn phát triển các nhà nước tư sản luôn tìm mọi cách nhằm đảm bảo địa vị độc tôn của ý thức hệ tư sản, ngăn cản việc truyền bá những tư tưởng cách mạng, tiến bộ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Hoạt động này được bảo đảm bởi sự liên kết giữa nhà nước tư sản với các thế lực tôn giáo và hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng.

*** Chức năng kinh tế**

Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do chức năng này chưa được chú trọng.

Chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, nhà nước tư sản từng bước can thiệp vào lĩnh vực kinh tế, và khi chủ nghĩa tư bản độc quyền chuyển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thì sự can thiệp này được tăng cường và làm nảy sinh chức năng mới - chức năng kinh tế.

*** Chức năng xã hội**

Nhà nước tư sản thực hiện chức năng xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội như: việc làm, thất nghiệp, dân số, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, vấn đề bảo trợ xã hội cho người già, giải quyết các tệ nạn xã hội....

1.2.2. Chức năng đối ngoại

*** Chức năng tiến hành chiến tranh xâm lược và chống phá các phong trào cách mạng thế giới**

Chức năng tiến hành chiến tranh xâm lược là chức năng đối ngoại chủ yếu của nhà nước tự sản thời kỳ chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do.

Khi hệ thống xã hội chủ nghĩa được thiết lập, chức năng đối ngoại chủ yếu của các nhà nước

*** Chức năng đối ngoại hoà bình, hợp tác quốc tế**

Nhiều nhà nước tự sản có sự thay đổi tích cực trong quan hệ đối ngoại, giải quyết các vấn đề quốc tế thông qua đối thoại với những chính sách đối ngoại mềm dẻo.

*** Gây ảnh hưởng quốc tế, tìm mọi cách để khẳng định vị trí thống trị của mình trên trường quốc tế, can thiệp vũ trang khi có**

1.3 Hình thức của nhà nước tự sản

1.3.1. Hình thức chính thể tự sản

Nhà nước Tự sản có hai dạng chính thể cơ bản là chính thể quân chủ lập hiến và chính thể cộng hoà.

- *Chính thể quân chủ lập hiến*

Trong các nhà nước có chính thể quân chủ lập hiến có hai dạng biến dạng chính là chính thể quân chủ nhị nguyên và quân chủ đại

Hình thức quân chủ đại nghị thể hiện tính hình thức của quyền lực nhà vua. Nhà vua, với tính cách là nguyên thủ quốc gia chỉ là người đại diện tượng trưng chứ không nắm quyền hành thực tế. (*)

- Chính thể cộng hoà tư sản

Ở Hình thức này có hai biến dạng chủ yếu là cộng hoà tổng thống và cộng hoà đại nghị.

Chính thể cộng hoà tổng thống, vai trò của nguyên thủ quốc gia là rất quan trọng. Tổng thống vừa là người đứng đầu nhà nước, vừa là người đứng đầu chính phủ, do nhân dân trực tiếp bầu ra hoặc do các đại biểu cử tri bầu ra. (*)

Chính thể cộng hoà đại nghị, vai trò của nghị viện là rất lớn, nghị viện là thiết chế quyền lực trung tâm trong cơ chế thực thi quyền lực nhà nước. (*)

Ngoài ra, hiện nay còn xuất hiện và tồn tại hình thức cộng hoà hỗn hợp giữa cộng hoà tổng thống và cộng hoà đại nghị (Pháp, Bồ đào Nha). (*)

1.3.2. Hình thức cấu trúc nhà nước tự sản

Nhà nước Tự sản có các hình thức cấu trúc sau: Hình thức liên bang và hình thức đơn nhất.

1.3.3. Chế độ chính trị

Nhìn chung cho thấy nhà nước tự sản hoặc có chế độ chính trị dân chủ hoặc chế độ phản dân chủ. Việc xác lập chế độ chính trị nào là tùy thuộc vào tương quan chính trị trong nước, vai trò tiến bộ hay phản động của bộ phận cầm quyền, tình hình chính trị quốc tế.

1.4. Bộ máy nhà nước tư sản (*)

Bộ máy nhà nước tư sản được tổ chức trên cơ sở thuyết phân quyền (lập pháp, hành pháp và tư pháp) nhằm chống lại sự độc đoán chuyên quyền của chế độ chuyên chế phong kiến, giải quyết những vấn đề thuộc nội bộ của giai cấp tư sản và che đậy bản chất thực của mình trước quần chúng nhân dân lao động.

Ba nhánh quyền này phải được giao cho ba cơ quan nhà nước khác nhau nắm giữ trên cơ sở: kìm chế, đối trọng nhau nhưng độc lập với nhau, yếu tố chủ đạo của học thuyết là “dùng quyền lực để hạn chế quyền lực”.

2. PHÁP LUẬT TƯ SẢN

2.1. Bản chất của pháp luật tư sản

Pháp luật tư sản thể hiện ý chí của giai cấp tư sản là bằng mọi giá duy trì và củng cố chế độ tư hữu là cơ sở tồn tại của Nhà nước tư sản,

Cũng giống như bản chất của bất kỳ kiểu pháp luật bóc lột nào, pháp luật tư sản trước tiên là công cụ để bảo vệ sở hữu tư nhân- cơ sở kinh tế của xã hội bóc lột và bảo vệ chế độ người bóc lột người.

Thứ hai, pháp luật tư sản ghi nhận và bảo vệ sự thống trị về chính trị của giai cấp tư sản.

Thứ ba, pháp luật tư sản ghi nhận và bảo vệ sự thống trị của tư sản về mặt tư tưởng.

Tuy nhiên, để đánh giá đầy đủ, toàn vẹn và khách quan bản chất của pháp luật tư sản phải cần thiết thông qua các chế định cụ thể được quy định trong pháp luật. (*)

2.2 Hình thức và hệ thống pháp luật tự sản

*** Hình thức pháp luật tự sản**

Hình thức của pháp luật tự sản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp và ở một số ít các nước hồi giáo là luật tôn giáo.

*** Hệ thống pháp luật tự sản**

Căn cứ vào những nét tương đồng này có thể xếp pháp luật các nước tự sản vào các hệ thống

**Hệ thống pháp luật Ăng lô- xắc
xông bao gồm pháp luật các nước
Anh, Mỹ và các nước chịu ảnh
hưởng của Anh, hệ thống pháp
luật này có những đặc trưng sau:**

**- Pháp luật không chia thành
công pháp và tư pháp.**

**- Phần lớn các quy phạm pháp
luật và chế định pháp luật không
hình thành bằng việc ban hành
văn bản quy phạm pháp luật mà
hình thành chủ yếu thông qua**

Hệ thống pháp luật La mã- Giéc manh bao gồm pháp luật các nước Châu âu lục địa (Pháp, Đức, ý...) và một số nước Châu Mỹ la tinh (Braxin, Vênezuela...). Hệ thống pháp luật La mã- Giéc manh có những đặc trưng sau:

- Pháp luật chịu ảnh hưởng sâu sắc của dân luật La mã cổ đại.

- Hệ thống pháp luật này chia pháp luật ra thành công pháp và tư pháp.

+ Tư pháp bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật điều chỉnh các quan hệ liên quan tới việc bảo vệ lợi ích của từng cá nhân.

Bên cạnh hai hệ thống pháp luật trên, còn có sự tồn tại của các hệ thống pháp luật khác, như pháp luật các nước Hồi giáo, hệ thống pháp luật Bắc âu, hệ thống pháp luật Ấn độ...

2.3. Pháp chế tư sản

Pháp chế tư sản là sự tuân thủ của công dân, của các tổ chức, cơ quan đối với pháp luật hiện hành.

Pháp chế tư sản có hai yêu cầu:

- Thứ nhất, hiến pháp phải có hiệu lực tối cao. Điều này đòi hỏi các văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành phải phù hợp với hiến pháp, nếu nội dung của nó trái với hiến pháp sẽ bị vô hiệu.

- Thứ hai, việc tuân thủ đầy đủ